

## KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số: 13422.KK

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

Địa điểm lấy mẫu: **Cụm mỏ đá Tân Đông Hiệp**

Địa chỉ: Khu phố Tân An, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Ngày lấy mẫu: 07/12/2022

Thời gian thử nghiệm: 08/12 ÷ 15/12/2022

Loại mẫu: Không khí lao động

Số lượng: 03 mẫu khí

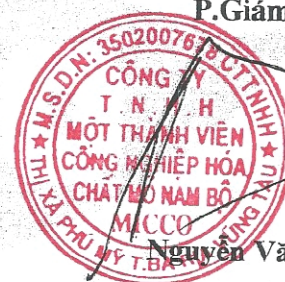
| STT | CHỈ TIÊU                       | ĐƠN VỊ            | KẾT QUẢ    |            |            | PHƯƠNG PHÁP THỬ    |
|-----|--------------------------------|-------------------|------------|------------|------------|--------------------|
|     |                                |                   | 13422-KK01 | 13422-KK02 | 13422-KK03 |                    |
| 1   | Nhiệt độ <sup>(+)</sup>        | °C                | 28,6       | 27,2       | 26,8       | QCVN 46:2012/BTNMT |
| 2   | Độ ẩm <sup>(+)</sup>           | %                 | 68,3       | 70,1       | 71,9       | QCVN 46:2012/BTNMT |
| 3   | Tốc độ gió <sup>(+)</sup>      | m/s               | 1,0        | 0,8        | 0,6        | QCVN 46:2012/BTNMT |
| 4   | Độ ồn <sup>(+)</sup>           | dBA               | 68,5       | 66,7       | 70,3       | TCVN 7878 - 2:2018 |
| 5   | Bụi <sup>(+)(*)</sup>          | µg/m <sup>3</sup> | 243        | 257        | 286        | TCVN 5067:1995     |
| 6   | NO <sub>2</sub> <sup>(+)</sup> | µg/m <sup>3</sup> | 69         | 65         | 72         | TCVN 6137:2009     |
| 7   | SO <sub>2</sub> <sup>(+)</sup> | µg/m <sup>3</sup> | 85         | 81         | 89         | TCVN 5971:1995     |
| 8   | CO <sup>(+)</sup>              | µg/m <sup>3</sup> | 7.154      | 7.098      | 7.564      | HD/CO/NBMICCO-01   |

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 12 năm 2022

Người lập

QA/QC

P.Giám đốc



Hoàng Văn Hải

Ngô Thị Thanh Minh

Nguyễn Văn Thủy

1. Ký hiệu

13422 - KK01: Khu vực moong khai thác (395922-1207715)

13422 - KK02: Khu vực moong khai thác (395810-1207764)

13422 - KK03: Khu chế biến mỏ

2. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày sau khi trả kết quả

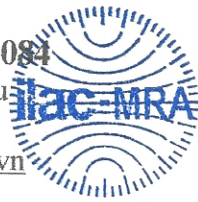
3. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

4. Không được trích một phần ngoại trừ tất cả kết quả thử nghiệm khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của PTN Vilas 768

5. (\*) Phương pháp thử nghiệm được Vilas công nhận

6. (+) Chỉ tiêu được Vimcerts 084 công nhận





## KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số: 13422.NM

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

Địa điểm lấy mẫu: Cụm mỏ đá Tân Đông Hiệp

Địa chỉ: Khu phố Tân An, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Ngày lấy mẫu: 07/12/2022

Thời gian thử nghiệm: 08/12 ÷ 15/12/2022

Loại mẫu: Nước mặt

Số lượng: 02 mẫu nước

| STT | CHỈ TIÊU                                            | ĐƠN VỊ    | KẾT QUẢ               |                       | PHƯƠNG PHÁP THỬ                                   |
|-----|-----------------------------------------------------|-----------|-----------------------|-----------------------|---------------------------------------------------|
|     |                                                     |           | 13422 - NT01          | 13422 - NT02          |                                                   |
| 1   | pH <sup>(*)</sup> (+)                               | -         | 7,15                  | 7,18                  | TCVN 6492:2011                                    |
| 2   | DO <sup>(*)</sup> (+)                               | mg/L      | 6,03                  | 6,10                  | TCVN 7325:2004                                    |
| 3   | TSS <sup>(*)</sup> (+)                              | mg/L      | 28                    | 24                    | TCVN 6625:2000                                    |
| 4   | COD <sup>(*)</sup> (+)                              | mg/L      | 11                    | 9                     | SMEWW 5220.C:2017                                 |
| 5   | BOD <sup>(*)</sup> (+)                              | mg/L      | 5                     | 4                     | TCVN 6001 - 1:2008                                |
| 6   | NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> -N <sup>(*)</sup> (+)  | mg/L      | 0,036                 | 0,032                 | SMEWW 4500 - NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> .B:2017 |
| 7   | NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N <sup>(*)</sup> (+)  | mg/L      | 1,32                  | 1,14                  | SMEWW 4500 - NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> .E:2017 |
| 8   | NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N <sup>(*)</sup> (+)  | mg/L      | 0,243                 | 0,197                 | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .B,F:2017              |
| 9   | PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P <sup>(*)</sup> (+) | mg/L      | 0,188                 | 0,169                 | SMEWW 4500-P.E:2017                               |
| 10  | Cu <sup>(*)</sup> (+)                               | mg/L      | 0,185                 | 0,153                 | SMEWW 3111.B:2017                                 |
| 11  | Fe <sup>(*)</sup> (+)                               | mg/L      | 0,951                 | 0,867                 | SMEWW 3111.B:2017                                 |
| 12  | Pb <sup>(P)</sup>                                   | mg/L      | KPH<br>(MDL = 1,7)    | KPH<br>(MDL = 1,7)    | SMEWW 3113.B:2017                                 |
| 13  | Tổng dầu mỡ <sup>(+)</sup>                          | mg/L      | KPH<br>(LOQ = 1)      | KPH<br>(LOQ = 1)      | SMEWW 5520.B&F:2017                               |
| 14  | Coliform <sup>(*)</sup> (+)                         | MPN/100ml | 2,5 x 10 <sup>3</sup> | 2,1 x 10 <sup>3</sup> | SMEWW 9221.B:2017                                 |

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 12 năm 2022

Người lập

QA/QC

**Hoàng Văn Hải**

**Ngô Thị Thanh Minh**



Người kiểm tra

**1. Ký hiệu**

- 13422 - NM01: Nước mặt suối Xiệp
- 13422 - NM02: Nước mặt tại móng khai thác
- Thời gian lưu mẫu là 05 ngày sau khi trả kết quả
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử
- Không được trích một phần ngoại trừ tất cả kết quả thử nghiệm khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của PTN Vilas 768

- (\*) Phương pháp thử nghiệm được Vilas công nhận
- (+) Chỉ tiêu được Vimcerts 084 công nhận
- (P) Các chỉ tiêu nhà thầu phụ Vimcert
- KPH: Không phát hiện
- MDL: giới hạn phát hiện; LOQ: giới hạn định lượng.